

Bản án số: 78/2019/HS - ST
Ngày: 27-9-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thu Hương

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Dương

Ông Phạm Phúc Ân

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Như Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở UBND phường C, thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 78/2019/HSST ngày 11 tháng 7 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2019/QĐXXST - HS ngày 10 tháng 9 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hữu T, sinh năm 1993, tại xã H, thành phố C, tỉnh H; nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Thôn H, xã H, thành phố C, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình văn hóa(học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Hữu B và con bà Mạc Thị M; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tạm giam từ ngày 17/01/2019 tại Trại giam K, Công an tỉnh H. Có mặt.

2. Nguyễn Văn B, sinh ngày 09/7/2000, tại xã L, thành phố C, tỉnh H; nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Thôn T, xã L, thành phố C, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa(học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông : Nguyễn Văn B và con bà Trần Thị Đ; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/6/2019 đến ngày 24/6/2019 bị tạm giam tại Trại giam K, Công an tỉnh H. Có mặt.

- Bị hại :

Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1991

Địa chỉ : Khu dân cư V, phường V, thành phố C, tỉnh H. Có mặt.

- Những người làm chứng:

1. Ông Dương Văn K, sinh năm 1964

Địa chỉ : Khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh H. Vắng mặt.

2. Bà Phạm Thị M, sinh năm 1971

Địa chỉ : Khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh H. Vắng mặt.

3. Ông Phùng Đức T, sinh năm 1963

Địa chỉ : Khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh H. Vắng mặt.

4. Anh Dương Trung S, sinh năm 2000

Địa chỉ: Khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 11 năm 2018, Nguyễn Hữu T là người làm thuê cho Nguyễn Văn T1 có xin nghỉ việc để làm thuê cho quán karaoke X ở khu dân cư L, phường C, thành phố C, tỉnh H. T xin T1 cho chị N là người yêu T cùng nghỉ việc nhưng T1 không đồng ý nên phát sinh mâu thuẫn. Khoảng 21 giờ ngày 08 tháng 11 năm 2018, T1 cùng Phạm Văn Q, sinh năm 1997, trú tại khu dân cư N 7, phường T, thành phố C, tỉnh H, Vũ Văn Q, sinh năm 1992, trú tại khu dân cư N 5, phường T, thành phố C, tỉnh H, Vũ Văn H, sinh năm 1993, trú tại khu dân cư M, phường T, thành phố C, tỉnh H đến quán karaoke X tìm gặp T để nói chuyện nhưng không gặp. Sau đó, T và T1 hẹn gặp nhau ở quảng trường Sao Đỏ. Do sợ T1 đánh, T đã kể chuyện với Trần Văn K, Nguyễn Văn B và các đối tượng Trường A, B, H(hiện chưa xác định được thân nhân, lý lịch) và nhờ đi ra cùng. T có hỏi B “đồ” để ở đâu, nghĩa là hỏi dao, phớt để ở đâu thì B bảo ở trong phòng. T vào phòng B lấy 03 phớt lợn có đặc điểm dài khoảng 1,2m, lưỡi dao phớt dài khoảng 22 cm được hàn cố định trên một ống tuýp sắt; 01 dao phay, chuôi gỗ màu vàng, dài khoảng 30 cm, thân dao màu đen, bản rộng khoảng 08 cm, một lưỡi sắt; 01 gậy bóng chày để ở góc cây trước cửa quán. Khoảng 23 giờ cùng ngày, T gọi 02 taxi đến quán Karaoke X. T cầm theo 01 phớt lợn, 01 dao và cùng K, H lên một xe taxi. T đưa cho B 02 phớt lợn để ở gầm ghế sau, dưới chân B ngồi, B lên 01 xe taxi cùng Trường A, B và 2 người thanh niên hiện không xác định được tên tuổi cùng đi ra quảng trường Sao Đỏ. Hai xe taxi đỗ cách quán bán nước của ông Dương Đình K khoảng 20m. T và Trường A xuống xe, ngồi uống nước tại quán nhà ông K được 15 phút thì

T1, Q, H, Q đến ngồi cùng nói chuyện. T có xin lỗi T1 nhưng T1 không đồng ý nên T nói “nếu vậy muốn làm gì thì làm”. T1 cầm chiếc điều cây dăng lên đập về phía T nhưng trượt và T bị xước, chảy máu. Ngay lúc đó, T chạy ra xe taxi lấy con dao phay chém 1 cái, T1 giơ tay lên đỡ và bị chém vào khuỷu tay. T chém tiếp 1 nhát vào bắp chân T1 thì T1 ngã xuống. T chém tiếp 2 đến 3 cái nữa vào người T, không rõ mục đích chém vị trí nào. Thấy T đuổi theo T1, B xuống xe cầm theo 01 phóng lộn đuổi đánh T1, B chém 01 cái về phía T1 nhưng không trúng mà trúng vào ghế nhựa, T1 tiếp tục bỏ chạy về hướng nhà thiếu nhi thì B chém với 01 cái trúng vào người T1 nhưng không rõ trúng vào vị trí nào trên người T1. Trong khi T và B đuổi đánh T1 thì có một số đối tượng chưa rõ nhân thân, lý lịch cầm phóng lộn, tuýp sắt đuổi đánh Q, Q1, H chạy về phía cổng đèn liệt sỹ. H bị chém 01 nhát vào vùng vai trái và bị đâm 01 nhát vào vùng hông phải, Q1 bị 02 thanh niên dùng phóng lộn chém nhưng phần lưỡi dao không trúng người mà chỉ bị phần ống tuýp đập vào phần đầu, lưng, tay, chân gây bầm tím. T1 được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa C và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh H từ ngày 09/11/2018 đến ngày 20/11/2018, H điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh H từ ngày 09/11/2018 đến ngày 16/11/2018. Tại kết luận giám định số 68067/C09-TT01 ngày 17/12/2018 của Viện khoa học hình sự B kết luận: Nguyễn Văn T1 bị đa vết thương phần mềm, đã được điều trị, hiện để lại: sẹo vùng mồm khuỷu tay phải kích thước (4x0,2) cm, không ảnh hưởng chức năng; sẹo ô mô cái gan tay phải kích thước 4cm x (0,2-0,4) cm, không ảnh hưởng chức năng; sẹo tại 1/3 trên ngoài đùi trái, kích thước (13,5 x 0,2) cm, không ảnh hưởng chức năng; sẹo 1/3 giữa sau đùi trái, kích thước 3,5 x (0,1-0,2) cm, không ảnh hưởng chức năng; sẹo tại 1/3 dưới trước đùi trái, kích thước 4 x (0,1-0,3) cm, không ảnh hưởng chức năng; sẹo 1/3 giữa sau trong cẳng chân phải, kích thước 7,5 x (0,1-0,2)cm, không ảnh hưởng chức năng; sẹo mặt ngoài cổ chân - mắt cá ngoài - gan bàn chân phải kích thước 10 x (0,1-0,2)cm, không ảnh hưởng chức năng; mẻ xương sên phải không làm biến dạng khớp cổ chân.

Đối chiếu với Bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể cho từng thương tích, di chứng như sau:

- Sẹo vùng mồm khuỷu tay phải: 01% (Mục 1, Phần I, Chương 9).
- Sẹo ô mô cái gan tay phải: 01% (Mục 1, Phần I, Chương 9).
- Sẹo tại 1/3 trên ngoài đùi trái: 03% (Mục 1, Phần I, Chương 9).
- Sẹo 1/3 giữa sau đùi trái: 01% (Mục 1, Phần I, Chương 9).
- Sẹo tại 1/3 dưới trước đùi trái: 01% (Mục 1, Phần I, Chương 9).
- Sẹo 1/3 giữa sau trong cẳng chân phải: 02% (Mục 1, Phần I, Chương 9).

- Sẹo mặt ngoài cổ chân - mắt cá ngoài - gan bàn chân phải: 03% (Mục 1, Phần I, Chương 9).

- Mề xương sên phải không làm biến dạng khớp cổ chân: 03% (vận dụng mục 8.4, Phần I, Chương 8).

Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể quy định tại Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn T1 tại thời điểm giám định là: 14% (Mười bốn phần trăm). Các thương tích trên cơ thể của Nguyễn Văn T1 do vật sắc hoặc sắc nhọn gây nên.

- Tại kết luận giám định số 6806/C09-TT01 ngày 17/12/2018 của Viện k Bộ C kết luận: Vũ Văn H bị đa vết thương phần mềm, đã được điều trị, hiện tại để lại sẹo vùng vai - lưng trái, không ảnh hưởng chức năng; sẹo vùng thắt lưng - hông phải không ảnh hưởng chức năng; mề xương vai trái. Đối chiếu với Bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể cho các thương tích như sau:

- Sẹo vùng vai - lưng trái: 03% (Mục 1, Phần I, Chương 9).

- Sẹo vùng thắt lưng - hông phải: 03% (Mục 1, Phần I, Chương 9).

- Mề xương vai trái: 03% (vận dụng mục 8.4, Phần I, Chương 8).

Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể quy định tại Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Vũ Văn Hải tại thời điểm giám định là: 09% (Chín phần trăm). Các thương tích trên cơ thể của Vũ Văn H do vật sắc hoặc sắc nhọn gây nên.

Việc thu giữ đồ vật, tài liệu, xử lý vật chứng: quá trình khám nghiệm hiện trường Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ: 01 (một) dao phông lợn dài 1,42m, lưỡi dao phông dài 22cm được hàn cố định trên một ống sắt dài 1,2m, đường kính 2,5cm, trên ống sắt có ống sắt màu đỏ, nghi là dấu vết máu; 01 (một) điều cày màu lâu đen, làm bằng tre, dài 65cm, đường kính 3,5cm, bị đập vỡ; trên điều có gắn lỗ điều làm bằng gỗ; 02 mảnh ghế nhựa màu xanh, có chiều dài lần lượt là 30cm và 35cm (số vật chứng nêu trên đang được nhập kho vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C phục vụ giải quyết vụ án "Gây rối trật tự công cộng và Cố ý gây thương tích" sau khi tách hành vi của T và B). Đối với con dao và phông lợn T và B dùng gây thương tích cho anh T1 sau đó đã vứt đi, không nhớ rõ vị trí nào, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã ra thông báo truy tìm nhưng không thu giữ được.

Tại Cáo trạng số 72/CT-VKSCL ngày 11-7-2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh H đã truy tố Nguyễn Hữu T, Nguyễn Văn B về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát và đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại anh Nguyễn Văn T1 yêu cầu các bị cáo có trách nhiệm bồi thường số tiền 50.000.000đồng và đề nghị Tòa án xét xử các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Tòa án:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T và Nguyễn Văn B phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của BLHS đối với bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Văn B.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T từ 36 đến 39 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 17/01/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ 30 đến 33 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 21/6/2019.

Về hình trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS, Điều 584, 585, 587, 590 BLDS ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo: Buộc mỗi bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Văn B liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Văn T1 số tiền 50.000.000đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường là 25.000.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất được thực hiện theo quy định tại Điều 468 BLDS.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội buộc các bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố C, Điều tra viên, VKSND thành phố C, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Văn B tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng, kết luận định giá và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 23 giờ ngày 08/11/2018, do có mâu thuẫn từ trước nên Nguyễn Hữu T chuẩn bị 03 phóng lộn, 01 dao phay, 01 gậy bóng chày và rủ Nguyễn Văn B đi ra quán nước của gia đình Dương Đình K ở quảng trường Sao Đỏ, phường S, thành phố C, tỉnh H để gặp Nguyễn Văn T1 nói chuyện. Tại đây, T có hành vi dùng dao phay, chuôi gỗ màu vàng, dài khoảng 30cm, thân dao màu đen; bản rộng khoảng 08cm, một lưỡi sắc đuôi chém 01 cái vào khuỷu tay phải, 01 nhát vào bắp chân phải của Nguyễn Văn T1 làm T1 ngã xuống, T tiếp tục dùng dao chém tiếp 2 đến 3 nhát vào người T1 (không rõ chém vào vị trí nào trên người T1). Mặc dù không có mâu thuẫn gì với T1 nhưng khi thấy T cầm dao đuôi chém T1, Nguyễn Văn B cầm 01 dao phóng lộn dài 1,42m, lưỡi dao phóng dài 22cm được hàn cố định trên một ống sắt dài 1,2m, đường kính 2,5cm đuôi và chém 01 cái về phía T1 nhưng không trúng, T1 tiếp tục bỏ chạy về hướng nhà thiếu nhi thì B chém với 01 cái trúng vào người T1 (không rõ trúng vào vị trí nào trên người T1). Hậu quả làm T1 bị tổn hại 14% (Mười bốn phần trăm) sức khỏe, các thương tích trên cơ thể của T1 do vật sắc hoặc sắc nhọn gây nên. Trong vụ án này, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Văn B vì lý do mâu thuẫn nhỏ nhặt mà dùng hung khí, gây thiệt hại sức khỏe cho anh T1. Vì vậy, xác định T, B phạm tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung dùng hung khí nguy hiểm và có tính chất côn đồ. Anh T1 bị thiệt hại 14% sức khỏe nên có đủ căn cứ xác định Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Văn B về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, an ninh tại địa phương. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do ý thức coi thường sức khỏe của người khác,

coi thường pháp luật, trật tự kỷ cương xã hội nên các bị cáo vẫn cố tình phạm tội. Trong vụ án các bị cáo đồng phạm với nhau, bị cáo T giữ vai trò chính, là người dự mưu, chủ động chuẩn bị công cụ phạm tội, trực tiếp dùng dao chém nhiều lần vào chân, tay anh T1 thể hiện tính quyết liệt, côn đồ. Bị cáo B là người thực hành tích cực, tham gia cùng T, dùng dao phóng lộn chém anh T1 gây thương tích cho anh T1 là 14%. Do vậy cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Khi áp dụng hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử cân nhắc về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T, B đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi với hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn T1 bị gây thương tích, tổn hại 14% sức khỏe nên anh yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tổn hại sức khỏe là có cơ sở pháp luật, cần được chấp nhận. Anh T1 yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 50.000.000đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường 25.000.000đồng. Tại phiên tòa, bị cáo T, B đồng ý với mức bồi thường như trên nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 48 BLHS, Điều 584, 585, 587, 590 BLDS ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo.

[5] Về vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát Công an thành phố C không thu giữ được vật chứng trong vụ án này nên không đặt ra xem xét.

[6] Trong vụ án, đối với các đối tượng khác có hành vi dùng hung khí gây thương tích cho Vũ Văn H, đuổi đánh Vũ Văn Q, Phạm Văn Q1, Nguyễn Văn T1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C tiếp tục điều tra làm rõ, có căn cứ sẽ xử lý trong vụ án khác.

Đối với hành vi của Nguyễn Văn T1 dùng điều cày đập 01 cái trượt vào vùng trán của Nguyễn Hữu T nhưng T xác định thương tích nhỏ, không đi khám, điều trị tại cơ sở y tế và không có yêu cầu giải quyết, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý đối với T1.

Đối với anh Vũ Văn Q xác định chỉ bị thương tích nhỏ, không đi khám, điều trị tại cơ sở y tế và không có yêu cầu giải quyết.

Đối với Trần Văn K, Nguyễn Văn Q, Vũ Văn H, Vũ Văn Q, hiện đều không có mặt tại địa phương. Đối với Phạm Văn Q1 trong quá trình điều tra không có mặt tại địa phương, tại phiên tòa Q1 có tham gia và xác định không bị thương tích gì. Các đối tượng tên B, H và Trường A quá trình điều tra chưa

xác định được nhân thân, lý lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra trong vụ án khác, có căn cứ sẽ xử lý sau.

[8] Về án phí: Các bị cáo T, B bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của BLHS đối với bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Văn B.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Văn B phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 39 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 17/01/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 30 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 21/6/2019.

2. Về hình trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS, Điều 584, 585, 587, 590 BLDS ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo: Buộc mỗi bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Văn B liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Văn T1 số tiền 50.000.000đồng, phần mỗi bị cáo phải bồi thường là 25.000.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất được thực hiện theo quy định tại Điều 468 BLDS.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.250.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố C;
- VKSND tỉnh H;
- Công an thành phố C;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C;
- Sở tư pháp tỉnh H;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương